

Số: **3746** /QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày **24** tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển
bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn
đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính Phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36- NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Chương trình số 30-CTr/TU ngày 26/12/2018 của Tỉnh ủy Trà Vinh về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài Nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 601/TTr-STNMT ngày 13/11/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình số 30-CTr/TU ngày 26/12/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban

nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Như Điều 3;
- TT. TU; TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- LĐ VP, các Phòng;
- Lưu VT, NN. *03bản*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trung Hoàng



KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh
(Kèm theo Quyết định số **3746/QĐ-UBND** ngày **24/11/2020** của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Quán triệt, cụ thể hóa quan điểm, mục tiêu, định hướng, chủ trương, khâu đột phá và các giải pháp chủ yếu về phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được đề ra trong Nghị quyết số 36-NQ/TW, Nghị quyết số 26/NQ-CP và Chương trình số 30-CTr/TU của Tỉnh ủy; xác định các nhiệm vụ trọng tâm, lộ trình và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các Sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện.

Từ nay đến năm 2025 tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, ưu tiên thực hiện các chủ trương, khâu đột phá, giải pháp được đề ra trong Nghị quyết số 36-NQ/TW, Nghị quyết số 26/NQ-CP và Chương trình số 30-CTr/TU của Tỉnh ủy, phân công cụ thể cơ quan triển khai các nhiệm vụ, bảo đảm phù hợp với chức năng, năng lực và khả năng huy động các nguồn lực kinh tế của tỉnh.

b) Thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm của Kế hoạch 05 năm (đến năm 2025), làm cơ sở, nền tảng để thực hiện thành công Kế hoạch tổng thể đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 về phát triển bền vững kinh tế biển của tỉnh.

2. Yêu cầu

a) Quán triệt sâu sắc, nhận thức đầy đủ và toàn diện các nội dung của Nghị quyết số 36-NQ/TW, Nghị quyết số 26/NQ-CP và Chương trình số 30-CTr/TU của Tỉnh ủy trong suốt quá trình tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; Xây dựng và triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể theo từng giai đoạn phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

b) Sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao, ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ mới, hiện đại, đảm bảo tính bền vững trong khai thác, sử dụng hợp lý, có hiệu quả các nguồn tài nguyên vùng biển, ven biển và các xã đảo trên địa bàn tỉnh; tạo sự chuyển biến, đột phá cho phát triển bền vững kinh tế biển của tỉnh; bảo đảm tính khả thi trong huy động và sử dụng các nguồn lực, phù hợp tình hình thực tế của tỉnh và bối cảnh trong nước, quốc tế.

Đảm bảo năng lực để xử lý tốt các tình huống trên biển; góp phần giữ vững độc lập, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích của quốc gia trên biển; phù hợp với luật pháp quốc tế về biển, nhất là Công ước của Liên

hiệp quốc về Luật biển (UNCLOS) năm 1982.

c) Triển khai đồng bộ các giải pháp về phát triển bền vững kinh tế biển để phát huy tiềm năng, lợi thế của biển, dựa trên nền tảng tăng trưởng xanh, tăng cường quản lý tổng hợp tài nguyên môi trường biển, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xâm nhập mặn, gắn bảo vệ môi trường với phòng ngừa, ngăn chặn ô nhiễm, sự cố môi trường biển, bảo tồn, phát triển hệ sinh thái biển, bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế và tự nhiên, bảo đảm an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội và trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện về năng lực triển khai, điều kiện thực hiện của từng Sở, ngành và địa phương.

d) Đa dạng hóa việc huy động các nguồn lực và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư cho phát triển bền vững kinh tế biển; đảm bảo tích hợp, lồng ghép, không trùng lặp, liên tục kết quả thực hiện của các nhiệm vụ đã và đang triển khai thực hiện; các nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 mang tính chiến lược, lâu dài theo tinh thần của Nghị quyết số 36-NQ/TW, Nghị quyết số 26/NQ-CP và Chương trình số 30-CTr/TU của Tỉnh ủy đề ra; Các Sở, Ban, ngành, địa phương chủ động phối hợp triển khai đồng bộ, kịp thời các giải pháp, cơ chế, chính sách; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Kế hoạch Tổng thể đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: Đến năm 2045, phát triển bền vững kinh tế biển theo hướng hiện đại gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh; hoàn thiện hạ tầng Logistics và các tuyến đường giao thông phát triển kinh tế hàng hải, đường thủy nội địa và cảng nước sâu kết nối với các cảng biển trong vùng, khu vực; kinh tế biển trở thành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, Trà Vinh trở thành tỉnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

1.1. Về quản trị biển, quản lý vùng bờ

a) Tiếp tục sắp xếp, đổi mới tổ chức bộ máy của cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên, môi trường, biển; xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất, chuyên nghiệp, đủ năng lực trong thực hiện nhiệm vụ quản lý tổng hợp, thống nhất về biển. Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng dân cư, doanh nghiệp và các bên liên quan thông qua việc thực hiện công cụ, cơ chế điều phối cụ thể; nâng cao năng lực quản lý các vùng ven biển của tỉnh.

b) Đổi mới, phát triển các mô hình tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường, phát huy văn minh sinh thái biển, nâng cao năng suất, chất lượng, tính cạnh tranh và hiệu quả đầu tư công trong các ngành kinh tế biển, vùng ven biển; khuyến khích sự tham gia của các thành phần kinh tế đầu tư vào phát triển hạ tầng, kinh tế biển, ven biển trên địa bàn tỉnh; thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật vào quản lý tổng hợp về tài nguyên, bảo vệ môi trường biển.

c) rà soát, điều chỉnh, lập mới các quy hoạch, nâng cao chất lượng các quy hoạch liên quan đến biển; trọng tâm là phân vùng khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ trên cơ sở Quy hoạch không gian biển quốc gia, Quy

hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ, quy hoạch hệ thống cảng biển; quy hoạch phát triển du lịch, thủy sản,... nhằm đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của các quy hoạch và đảm bảo phù hợp Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 và Quy hoạch của tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

d) Định kỳ hàng năm, đánh giá chỉ số tổng hợp quản trị biển của tỉnh, tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được đề ra trong Nghị quyết số 36-NQ/TW, Nghị quyết số 26/NQ-CP, Chương trình số 30-CTr/TU của Tỉnh ủy và Kế hoạch này, làm cơ sở cho việc tăng cường quản lý tổng hợp về tài nguyên, bảo vệ môi trường biển trên địa bàn tỉnh. Định kỳ 5 năm thực hiện sơ kết, tổng kết đánh giá toàn diện việc thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, Nghị quyết số 26/NQ-CP, Chương trình số 30-CTr/TU của Tỉnh ủy, đề ra các giải pháp, nhiệm vụ phù hợp trong giai đoạn mới.

1.2. Về phát triển kinh tế biển và ven biển

a) Nuôi trồng và khai thác hải sản

- Tập trung phát triển nuôi trồng thủy sản ven biển theo hướng công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu; lựa chọn các đối tượng nuôi có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện khí hậu thổ nhưỡng của tỉnh, có khả năng cạnh tranh trên thị trường, trong đó tập trung vào các đối tượng nuôi chủ lực của tỉnh như: nghêu, tôm, cua.... Đẩy mạnh khai thác thủy, hải sản ở những vùng biển xa bờ, gắn khai thác bền vững với bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy, hải sản. Hiện đại hóa công tác quản lý tàu cá, công tác bảo quản sản phẩm sau khai thác với công nghệ tiên tiến để thúc đẩy phát triển kinh tế biển, góp phần khẳng định chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc và phù hợp với quy định quốc tế.

- Chuyển đổi các nghề khai thác không chọn lọc, đánh bắt tận diệt nguồn lợi thủy sản. Ứng dụng công nghệ cao và tiết kiệm năng lượng phục vụ khai thác hải sản nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, thân thiện môi trường, bảo vệ quốc phòng và an ninh trên biển; khuyến khích phát triển đội tàu khai thác vùng khơi, giảm dần đội tàu khai thác gần bờ; triển khai có hiệu quả các chính sách về phát triển thủy sản.

- Thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Tổ chức lại sản xuất trong ngành thủy sản, xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất, liên kết giữa các khâu sản xuất, bảo quản, chế biến,... Hỗ trợ, hướng dẫn nông, ngư dân vùng ven biển tham gia sản xuất theo chuỗi giá trị và các chương trình phát triển sinh kế bền vững.

- Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp đóng, sửa chữa tàu, đội tàu dịch vụ hậu cần nghề cá ứng dụng công nghệ hiện đại để phục vụ cho hoạt động khai thác trên biển.

- Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ ngư dân đánh bắt xa bờ; lồng ghép các chương trình, dự án hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề, tạo sinh kế cho người dân vùng ven biển; xây dựng và thực hiện các mô hình tổ chức sản xuất trong nuôi trồng và khai thác hải sản hợp lý, nhân rộng các mô hình tổ, đội tàu, thuyền

khai thác gắn với dịch vụ hậu cần nghề cá; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả phù hợp với điều kiện môi trường và nguồn lợi thủy sản; nâng cao mức sống cộng đồng ngư dân, tạo điều kiện thuận lợi để người dân bám biển, làm chủ ngư trường, góp phần đảm bảo an ninh, quốc phòng, an toàn trên vùng biển của tỉnh, sắp xếp các cơ sở sản xuất kinh doanh - dịch vụ, mở rộng hoạt động dịch vụ hậu cần nghề cá; tranh thủ các nguồn vốn đầu tư để mở rộng, nâng cấp các cảng cá.

b) Năng lượng tái tạo và những ngành kinh tế biển mới

- Tiếp tục phát triển năng lượng tái tạo như: Điện gió, điện năng lượng mặt trời gắn với bảo vệ môi trường sinh thái; phát triển rừng và phát triển du lịch khu vực cửa sông, ven biển.

- Phát huy tối đa hiệu quả sử dụng đất bãi bồi khu vực ven biển, khu vực biên, phối hợp thực hiện các chương trình điều tra, nghiên cứu chế tạo thử nghiệm, xây dựng các mô hình điển hình trong sử dụng năng lượng tái tạo. Thực hiện cơ chế, chính sách ưu đãi, bảo hộ quyền tác giả cho các phát minh cải tiến kỹ thuật có giá trị trong lĩnh vực năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới.

c) Du lịch và dịch vụ biển

- Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng du lịch, khu vực động lực phát triển du lịch ven biển của tỉnh; khuyến khích, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia phát triển các khu du lịch nghỉ dưỡng hiện đại, chất lượng cao, các loại hình du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng tại các vùng ven biển của tỉnh.

- Xúc tiến quảng bá du lịch, phát triển, đa dạng hoá các sản phẩm, chuỗi sản phẩm du lịch biển trên cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, phát huy giá trị di sản văn hóa, lịch sử của tỉnh, phát triển du lịch sinh thái biển tạo sức hấp dẫn, thu hút khách du lịch.

- Xây dựng cơ chế, chính sách thuận lợi để người dân ven biển chuyển đổi nghề, trực tiếp tham gia, hưởng lợi từ hoạt động du lịch. Thực hiện cơ chế, chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp đầu tư phát triển sản phẩm du lịch sinh thái biển.

d) Công nghiệp ven biển

- Định hướng phát triển các khu, cụm công nghiệp theo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tiếp tục đẩy mạnh xúc tiến, kêu gọi đầu tư phát triển công nghiệp, kêu gọi đầu tư Khu Kinh tế Định An.

- Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường, công nghiệp nguồn để tham gia vào chuỗi sản xuất hàng hóa nhằm tạo ra sản phẩm có chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh với thị trường trong và ngoài nước.

- Phát triển các ngành sửa chữa, đóng tàu, năng lượng, công nghiệp chế biến, công nghiệp phụ trợ phù hợp với điều kiện, tiềm năng, thế mạnh hiện có của tỉnh.

đ) Kinh tế hàng hải

- Tranh thủ các nguồn hỗ trợ hoàn thiện kết cấu hạ tầng Khu Kinh tế Định An, tạo sự hấp dẫn, thu hút nhà đầu tư phát triển đồng bộ dịch vụ hỗ trợ vận tải, vận tải đa phương thức, đặc biệt là nâng cao chất lượng dịch vụ logistics để giảm chi phí, kết nối hiệu quả hệ thống hạ tầng giao thông, phát triển dịch vụ logistics thành một ngành dịch vụ đem lại giá trị tăng cao, góp phần tăng sức cạnh tranh cho nền kinh tế của tỉnh.

- Chủ động hội nhập trong lĩnh vực vận tải biển, tập trung khai thác có hiệu quả các cảng đã được đầu tư; đầu tư xây dựng cảng biển, khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão.

e) Tài nguyên khoáng sản biển

- Phối hợp với đơn vị liên quan điều tra, khảo sát, đánh giá tiềm năng các tài nguyên khoáng sản biển, thăm dò khoáng sản, dầu khí tại vùng biển tỉnh quản lý.

- Thực hiện tốt công tác cấp phép hoạt động khoáng sản theo quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản cát san lấp ven biển của tỉnh.

- Nâng cao hiệu quả khai thác tài nguyên khoáng sản biển, kết hợp hài hòa giữa khai thác, chế biến với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học biển. Tăng cường công tác quản lý khu vực biển đã giao cho tổ chức, cá nhân và giám sát việc khai thác nguồn tài nguyên khoáng sản biển, nhất là khai thác cát.

g) Phát triển kết cấu hạ tầng biển, ven biển

- Đầu tư kết cấu hạ tầng, các tuyến đường giao thông, kết nối liên thông, phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển và ven biển, đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống đê biển kết hợp với giao thông, trồng rừng nhằm bảo vệ sản xuất và đời sống Nhân dân.

- Thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế biển, ven biển trên địa bàn tỉnh; kêu gọi các nhà đầu tư vào Khu Kinh tế Định An, cảng Định An và kho bãi phục vụ trung chuyển hàng hóa của khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

- Quy hoạch lấn biển xây dựng đô thị mới ven biển tạo nét đột phá về phát triển đô thị và phát triển du lịch; triển khai các dự án điện gió, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội các địa phương ven biển, sau năm 2020 thị xã Duyên Hải hoàn thành tiêu chí đô thị loại III.

1.3. Nâng cao đời sống Nhân dân, xây dựng văn hóa biển, xã hội gắn bó, thân thiện với biển

- Đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là điện, nước, thông tin liên lạc, y tế, giáo dục tại các xã đảo, các khu vực ven biển của tỉnh, đảm bảo điều kiện cho người dân sinh sống, làm việc tại các xã đảo, vùng ven biển của tỉnh được tiếp cận và sử dụng dịch vụ y tế có chất lượng, cụ thể: Củng cố, phát triển nguồn nhân lực y tế, mạng lưới y tế khu vực biển đủ về số lượng và mạnh về chất lượng để đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho người dân vùng biển, xã đảo; trang bị kiến thức cho người dân vùng biển, xã đảo để có thể tự bảo vệ sức khỏe, biết sơ cấp cứu, đưa người bị nạn đến các cơ sở y tế an toàn và thực

hiện đầy đủ các quy định quốc tế về đảm bảo y tế cho hoạt động trên biển.

- Nâng cao đời sống, bảo đảm an ninh, an toàn cho dân cư vùng ven biển và những người lao động trên biển; phát huy bản sắc, giá trị lịch sử và văn hoá dân tộc tốt đẹp trong ứng xử với biển; tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về tầm quan trọng của biển và đại dương trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, xây dựng xã hội ý thức, lối sống, hành vi văn hoá gắn bó, thân thiện với biển; phát huy tinh thần tương thân tương ái của cộng đồng dân cư vùng biển, ven biển.

- Triển khai đồng bộ trong công tác quản lý hành lang bảo vệ bờ biển, bảo đảm quyền tiếp cận, tham gia hưởng lợi và trách nhiệm của người dân đối với biển.

- Lồng ghép, triển khai giáo dục, nâng cao nhận thức, kiến thức, hiểu biết về biển, khả năng sinh tồn, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, phòng, tránh thiên tai cho học sinh, sinh viên trong tất cả các cấp học, bậc học.

1.4. Về khoa học và công nghệ, phát triển nguồn nhân lực

- Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ mới, tiên tiến trong phát triển các ngành kinh tế biển quan trọng như: cảng biển, du lịch biển, khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản, dịch vụ biển; ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại vào phục vụ phát triển kinh tế biển.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách phát triển nhân lực, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, trong đó chú trọng đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao, thu hút nhân tài, từng bước hình thành đội ngũ cán bộ có chuyên môn sâu về biển.

- Đẩy mạnh hợp tác, tranh thủ sự hỗ trợ của các đối tác, các tổ chức quốc tế và khu vực để phát triển nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng kinh tế biển, nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ hiện đại vào các ngành kinh tế biển, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng trên địa bàn tỉnh.

- Áp dụng thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0 phát triển kinh tế theo hướng phát triển kinh tế biển xanh và thích ứng biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

1.5. Về bảo vệ môi trường, ứng phó thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng

- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đối với các dự án phát triển kinh tế biển; xây dựng các tiêu chí, yêu cầu đối với các dự án đầu tư có nguy cơ ô nhiễm môi trường khu vực ven biển, bảo đảm phòng ngừa, ngăn chặn không để xảy ra các sự cố ô nhiễm môi trường. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ trong bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng.... Mở rộng hợp tác quốc tế và đẩy mạnh xã hội hóa trong công tác bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Chú trọng bảo tồn đa dạng sinh học, phục hồi các hệ sinh thái, đặc biệt

là rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển, bảo đảm tính toàn vẹn và mối quan hệ tự nhiên của hệ sinh thái đất liền và biển.

- Triển khai các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính, phòng tránh thiên tai đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản của Nhà nước và Nhân dân; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với tình hình biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Đầu tư, nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, áp dụng các mô hình thích ứng, chống chịu với thiên tai và tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh các biện pháp phòng, chống biển xâm thực, xói lở bờ biển, ngập lụt, xâm nhập mặn, ...; Thực hiện chương trình quan trắc, giám sát về chất lượng môi trường, ứng phó với sự cố môi trường biển. Tăng cường quản lý rác thải biển, nhất là rác thải nhựa; cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường khu vực ven biển. Đồng thời, xử lý nghiêm các trường hợp khai thác cát và khai thác rừng ngập mặn, rừng phòng hộ trái phép.

1.6. Đảm bảo quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế

- Xây dựng lực lượng vũ trang của tỉnh vững mạnh, bảo đảm năng lực thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền biển và thực thi pháp luật trên biển; nâng cao năng lực của lực lượng thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, là chỗ dựa vững chắc cho Nhân dân và các hoạt động phát triển kinh tế biển, giữ vững ổn định chính trị, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn vùng ven biển.

- Đẩy mạnh hợp tác, tranh thủ sự hỗ trợ của các đối tác, các tổ chức quốc tế và khu vực để phát triển nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng vùng biển, ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại vào các ngành kinh tế biển, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Tập trung xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân khu vực biển; tăng cường khả năng hiệp đồng, phối hợp của các lực lượng, phát huy sức mạnh tổng hợp quản lý, bảo vệ vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán, quyền và lợi ích hợp pháp trên các vùng biển. Đầu tư trang thiết bị, đào tạo nhân lực, xây dựng lực lượng công an, quân sự, bộ đội biên phòng, kiểm ngư, dân quân tự vệ vững mạnh, làm nòng cốt đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Chủ động nắm, kiểm soát tình hình, kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hoạt động lợi dụng các vấn đề về biển để chống phá. Thực hiện nghiêm các điều ước, thỏa thuận khu vực và quốc tế về biển, đại dương mà Việt Nam đã tham gia.

2. Kế hoạch 5 năm đến năm 2025: Phấn đấu đến năm 2025, Trà Vinh trở thành tỉnh có kinh tế biển phát triển khá, phát triển mạnh về năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời).

2.1. Về quản trị biển, quản lý vùng bờ

- Đa dạng hóa các hình thức, nội dung tuyên truyền, giáo dục, phổ biến

chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về biển.

- Kiện toàn, nâng cao năng lực của cơ quan quản lý nhà nước về biển của tỉnh, bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực, chuyên môn cao; tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan và địa phương trong thực hiện nhiệm vụ phát triển bền vững kinh tế biển của tỉnh.

- Phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương thực hiện rà soát, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về biển; xác định phạm vi, ranh giới quản lý biển giữa các địa phương, bảo đảm công tác quản lý nhà nước về biển hiệu quả, không chồng lấn, tranh chấp trên biển; triển khai thực hiện các bộ tiêu chí, chỉ tiêu về phát triển bền vững kinh tế biển theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương nhằm đảm bảo khung pháp lý cho việc triển khai Kế hoạch tổng thể, Kế hoạch 5 năm và các mục tiêu phát triển bền vững kinh tế biển trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch liên quan đến biển của tỉnh phù hợp với Nghị quyết số 36-NQ/TW, Nghị quyết 26/NQ-CP và Chương trình số 30-CTr/TU của Tỉnh ủy; triển khai lập quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch, trong đó tích hợp quy hoạch không gian biển và các quy hoạch chuyên ngành liên quan đến biển, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững kinh tế biển của tỉnh.

- Khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả các khu vực biển; phối hợp chặt chẽ trong cấp phép nhận chìm ở biển, xả nước thải vào môi trường biển, giao khu vực biển trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý việc khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường biển.

- Hoàn thành việc cắm mốc hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Trà Vinh; xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên môi trường biển, thực hiện quan trắc tổng hợp tài nguyên môi trường biển; tăng cường quản lý chất thải nhựa đại dương trên địa bàn tỉnh.

2.2. Về phát triển kinh tế biển, ven biển

a) Nuôi trồng và khai thác thủy, hải sản

- Chuyển dịch cơ cấu ngành thủy sản, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến, hiện đại trong nuôi trồng, khai thác, bảo quản, chế biến thủy hải sản, đẩy mạnh khai thác các vùng biển xa bờ, tạo ra các sản phẩm chủ lực, có chất lượng, giá trị kinh tế cao, đáp ứng nhu cầu thị trường. Quy hoạch và phát triển các vùng nuôi tập trung có hệ thống cấp thoát nước riêng biệt, xử lý chất thải phát sinh và bảo vệ môi trường; lựa chọn các đối tượng có giá trị kinh tế cao phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của tỉnh và thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xâm nhập mặn, thúc đẩy các hoạt động nuôi trồng, khai thác hải sản bền vững, tăng cường bảo vệ nguồn lợi hải sản, nghiêm cấm các hoạt động khai thác mang tính tận diệt; khai thác có điểm dừng để bảo vệ các loài thủy sản.

- Chuyển đổi từ các mô hình nuôi trồng thủy sản quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu sang nuôi công nghiệp, quy mô lớn với công nghệ hiện đại, bền vững, bảo vệ môi trường; có liên kết từ khâu sản xuất, bảo quản, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm,... Hỗ trợ, hướng dẫn nông dân, ngư dân vùng ven biển tham gia sản

xuất theo chuỗi giá trị và các chương trình phát triển sinh kế bền vững; đào tạo, chuyển đổi nghề cho ngư dân.

- Đẩy mạnh liên kết sản xuất theo hình thức tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, thu hút các doanh nghiệp tham gia khai thác xa bờ; đầu tư nâng cấp và khai thác có hiệu quả các cảng cá, bến cá, khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão trên địa bàn tỉnh; tổ chức tốt dịch vụ hậu cần nghề cá, hiện đại hóa công tác quản lý nghề cá trên biển.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách của Chính phủ về phát triển thủy sản và nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích phát triển tổ chức sản xuất chăn nuôi khép kín, an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Khuyến khích, thu hút đầu tư, đặc biệt là hình thức hợp tác công tư trong lĩnh vực thủy sản như: Nuôi trồng, khai thác, chế biến, bảo quản, xuất khẩu hải sản, hiện đại hóa hệ thống hậu cần nghề cá.

b) Năng lượng tái tạo và những ngành kinh tế biển mới

- Phát triển năng lượng tái tạo (điện gió, điện năng lượng mặt trời) trên vùng biển của tỉnh phục vụ sản xuất, sinh hoạt, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư khai thác nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo trên cơ sở đôi bên cùng có lợi để phát triển ngành công nghiệp năng lượng thành ngành kinh tế quan trọng sau năm 2020.

- Phát huy tối đa tiềm năng sử dụng đất bãi bồi ven biển; đẩy mạnh công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư phát triển điện gió, điện mặt trời gắn với bảo vệ môi trường, phát triển rừng và du lịch sinh thái biển, ven biển.

c) Du lịch và dịch vụ biển

- Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng ngành du lịch cho các địa bàn trọng điểm có động lực phát triển du lịch, chú trọng phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch nghỉ dưỡng tại các khu vực như: Khu du lịch Biển Ba Động (xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải), Hàng Dương (xã Mỹ Long Nam, huyện Cầu Ngang), Cù lao Long Trị (xã Long Đức, thành phố Trà Vinh), Cù lao Tân Quy (xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè); thu hút, kêu gọi đầu tư phát triển các loại hình như: Du lịch sinh thái sông nước miệt vườn; du lịch sinh thái rừng ngập mặn,...; duy trì, phát triển nâng tầm các lễ hội truyền thống (Lễ hội nghinh Ông, Lễ hội cúng biển); khai thác các giá trị văn hóa, đời sống sinh hoạt của đồng bào dân tộc Khmer, người Hoa....

- Tăng cường mối liên kết giữa các điểm du lịch trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu phát triển các loại hình du lịch mới; kết nối, hình thành các tua du lịch, nghỉ dưỡng kết hợp với các loại hình vui chơi giải trí, thi đấu thể thao,...

- Xúc tiến quảng bá du lịch, đa dạng hóa các sản phẩm, chuỗi sản phẩm trên cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, phát huy giá trị di sản thiên nhiên, văn hóa, lịch sử đặc sắc của ba dân tộc Kinh - Hoa - Khmer trên địa bàn tỉnh, tạo sự phát triển đột phá cho ngành du lịch, hấp dẫn du khách trong và ngoài nước đến tham quan, du lịch tại các vùng cửa sông, ven biển của tỉnh.

- Thực hiện cơ chế, chính sách, tạo điều kiện thuận lợi để người dân ven biển chuyển đổi ngành, nghề, trực tiếp tham gia kinh doanh và hưởng lợi từ các hoạt động du lịch. Thực hiện cơ chế, chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp du lịch đầu tư phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái biển, phát huy vai trò của các tổ chức xã hội nghề nghiệp trong phát triển du lịch và dịch vụ biển.

d) Công nghiệp ven biển

- Tăng cường thu hút đầu tư, phát triển các khu, cụm công nghiệp ven biển; thu hút các dự án đầu tư quy mô lớn, công nghệ cao, hiện đại, đảm bảo các quy chuẩn về môi trường, sử dụng nhiều lao động, tạo ra các sản phẩm có sức cạnh tranh. Ưu tiên phát triển ngành công nghiệp đóng và sửa chữa tàu, cơ khí chế tạo, công nghiệp chế biến, công nghiệp phụ trợ. Chú trọng thu hút các ngành công nghiệp công nghệ cao thân thiện với môi trường, công nghiệp nền tảng, công nghệ nguồn,...

- Thu hút đầu tư xây dựng các dự án trọng điểm về hạ tầng giao thông ven biển, sản xuất, thương mại - dịch vụ; đẩy mạnh xúc tiến, kêu gọi đầu tư phát triển công nghiệp, khuyến khích đầu tư các ngành công nghiệp có lợi thế về nguồn nguyên liệu, lợi thế cạnh tranh, nhất là công nghiệp chế biến hàng nông, thủy sản xuất khẩu.

đ) Kinh tế hàng hải

- Khai thác có hiệu quả các cảng cá, khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão trên địa bàn tỉnh. Chú trọng phát triển đội tàu đánh bắt xa bờ, dịch vụ hậu cần nghề cá, ứng dụng công nghệ hiện đại để phục vụ cho hoạt động khai thác nguồn lợi trên biển.

- Mở rộng, nâng cấp các cảng biển, phát huy tối đa lợi thế về vị trí của cảng biển Khu bến tổng hợp Định An, thu hút các tàu trọng tải lớn vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu đi các tuyến vận tải biển xa, thu hút nguồn hàng thông qua cảng biển Khu bến tổng hợp Định An, thúc đẩy phát triển kinh tế biển của tỉnh, phát triển Khu Kinh tế Định An.

- Phát triển đồng bộ dịch vụ hỗ trợ vận tải, vận tải đa phương thức, đặc biệt là nâng cao chất lượng dịch vụ logistics để giảm chi phí, kết nối hiệu quả hệ thống hạ tầng giao thông, phát triển dịch vụ logistics thành một ngành dịch vụ đem lại giá trị tăng cao, góp phần tăng sức cạnh tranh cho nền kinh tế.

e) Tài nguyên, khoáng sản biển

- Tăng cường quản lý, giám sát việc khai thác, sử dụng khu vực biển, tài nguyên khoáng sản biển; kết hợp hài hòa giữa khai thác, chế biến với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học biển.

- Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện có hiệu quả Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; điều tra, khảo sát, đánh giá tiềm năng các tài nguyên khoáng sản biển, đặc biệt là khoáng sản cát có trữ lượng lớn, giá trị cao, có ý nghĩa phục vụ phát triển kinh tế biển; nâng cao hiệu quả, tăng hệ số thu hồi tài nguyên khoáng sản biển gắn với chế biến sâu.

g) Phát triển kết cấu hạ tầng biển, ven biển

- Phát triển đồng bộ hạ tầng Khu Kinh tế Định An, tranh thủ các nguồn hỗ trợ xây dựng hoàn thiện kết cấu kinh tế, hấp dẫn các nhà đầu tư; thu hút, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; giải quyết tốt vấn đề về môi trường, xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.

- Đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống đê sông, đê biển đảm bảo chắn sóng, bảo vệ rừng, chống xói lở bờ sông, bờ biển, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế biển, vùng ven biển.

- rà soát hệ thống thủy lợi đảm bảo phục vụ phát triển sản xuất, đồng thời đáp ứng các yêu cầu về hạn chế xâm nhập mặn; tranh thủ các nguồn lực đầu tư xây dựng các công trình đê điều, thủy lợi ở khu vực ven biển đảm bảo khả năng chống chịu trong điều kiện triều cường, phòng chống biển xâm thực, xói lở bờ biển.

2.3. Nâng cao đời sống Nhân dân, xây dựng văn hóa biển, xã hội gắn bó, thân thiện với biển

- Nâng cao đời sống, bảo đảm an ninh, an toàn cho dân cư vùng ven biển, và người lao động trên biển. Chú trọng phát triển các thiết chế văn hóa cho cộng đồng dân cư biển và ven biển; phát huy bản sắc, giá trị lịch sử và văn hoá dân tộc, tri thức tốt đẹp trong ứng xử với biển, xây dựng văn hóa biển; đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội (đặc biệt là điện, nước, thông tin liên lạc, y tế, giáo dục,...) tại các xã đảo, địa phương ven biển. Nâng cao nhận thức về an toàn, an ninh hàng hải cho người đi biển và ngư dân.

- Triển khai và hoàn thành nhiệm vụ thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh, tạo điều kiện thông thoáng cho người dân tiếp cận biển.

- Tiếp tục xây dựng nông thôn mới, nâng cao chất lượng các tiêu chí để phát triển bền vững đối với các địa phương ven biển.

- Đưa vào chương trình giáo dục nâng cao nhận thức về biển và đại dương, kỹ năng sinh tồn, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, phòng, tránh thiên tai; xây dựng xã hội ý thức, lối sống, hành vi văn hóa gắn bó thân thiện với biển, phát huy tinh thần tương thân tương ái của cộng đồng dân cư vùng biển, ven biển. Bảo đảm quyền tiếp cận, tham gia, hưởng lợi và trách nhiệm của người dân đối với biển một cách công bằng, bình đẳng.

2.4. Về khoa học và công nghệ, phát triển nguồn nhân lực biển

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ vào phát triển kinh tế biển; tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ mới trong chuỗi giá trị khép kín từ nuôi trồng, khai thác, bảo quản đến chế biến nhằm tạo ra các sản phẩm chủ lực, có chất lượng, giá trị kinh tế, tính cạnh tranh cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường. Hỗ trợ, hướng dẫn xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm chủ lực, đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu.

- Nghiên cứu lựa chọn giống cây trồng, vật nuôi thích ứng với điều kiện

biến đổi khí hậu và xâm nhập mặn. Hợp tác và liên kết trong phát triển nông nghiệp bền vững vùng ven biển; phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức khoa học trong và ngoài nước tiến hành điều tra, đánh giá về tài nguyên, hệ sinh thái biển và ven biển của tỉnh.

- Nghiên cứu, lập bản đồ tọa độ các khu vực an toàn trên biển, các khu vực tránh sóng, tránh bão; đồng thời, công bố, phổ biến thường xuyên trên các phương tiện thông tin để ngư dân, tổ chức cá nhân biết, vận dụng trong quá trình hoạt động trên biển; phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin hiện đại, bảo đảm an toàn thông tin, đáp ứng khả năng tích hợp chia sẻ thông tin và kết nối hệ thống thông tin nhằm góp phần phục vụ phát triển kinh tế biển.

- Tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức, kiến thức, hiểu biết về biển, kỹ năng sinh tồn, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, phòng tránh thiên tai,... cho học sinh, sinh viên trong tất cả các bậc học, cấp học.

- Nâng cao chất lượng đào tạo, công tác đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực biển chất lượng cao phục vụ cho phát triển các ngành kinh tế biển và chuyển đổi nghề của người dân ven biển. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, thu hút nhân tài, từng bước hình thành đội ngũ cán bộ có chuyên môn sâu về biển. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách phát triển nhân lực, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

- Khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường biển theo hướng bền vững; tiếp tục thực hiện chính sách ưu đãi cho ngư dân vay vốn đầu tư đóng mới nâng cấp, cải hoán tàu cá để vươn khơi bám biển, bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

2.5. Về môi trường, ứng phó thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức về bảo vệ môi trường trong cộng đồng dân cư, nhất là dân cư sinh sống ở khu vực ven biển. Kiểm soát, giám sát chặt chẽ các dự án đầu tư vào khu vực ven biển có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao, đảm bảo phòng ngừa, ngăn chặn không để xảy ra các sự cố gây ô nhiễm môi trường biển; chú trọng thu gom, xử lý chất thải nhựa trên biển.

- Bảo tồn đa dạng sinh học, phục hồi các hệ sinh thái, bảo vệ và phát triển diện tích rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển; trồng cây chắn sóng bảo vệ hệ thống đê biển; bảo đảm tính toàn vẹn và mối quan hệ tự nhiên giữa các hệ sinh thái đất liền và biển.

- Cập nhật, hoàn thiện kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh nhằm nâng cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu; xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách chuyển đổi nghề, tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng dân cư tại các khu vực ven biển.

- Xây dựng kế hoạch, chủ động các phương án phòng, tránh thiên tai phù hợp với từng địa bàn theo phương châm “bốn tại chỗ”. Phát huy trách nhiệm và huy động cộng đồng dân cư tích cực tham gia phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai.

Sẵn sàng các phương án di dân ở những vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng khi có tình huống xấu xảy ra.

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiệt hại thiên tai; triển khai các biện pháp phòng, chống biển xâm thực, xói lở bờ biển, ngập lụt, xâm nhập mặn...

- Đầu tư xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát, dự báo, cảnh báo tự động về chất lượng môi trường biển, ứng phó có hiệu quả các vấn đề về ô nhiễm, sự cố môi trường biển gắn với bảo đảm quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội.

2.6. Đảm bảo quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế

- Tập trung xây dựng vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân trên vùng biển. Tăng cường khả năng hiệp đồng, phối hợp giữa các lực lượng; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo an ninh, trật tự trong tình hình mới; đào tạo nhân lực, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật và tăng cường khả năng hiệp đồng, tác chiến của các lực lượng tham gia bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và các quyền lợi chính đáng, hợp pháp của đất nước. Xây dựng lực lượng công an, quân sự, biên phòng khu vực ven biển vững mạnh, là nòng cốt bảo vệ chủ quyền, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội vùng biển.

Tiếp tục tuyên truyền bảo vệ chủ quyền và phát triển bền vững biển đảo Việt Nam theo Quyết định số 930/QĐ-TTg ngày 28/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ; nâng cao năng lực hoạt động của các lực lượng làm nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn của tỉnh; bảo đảm an ninh, an toàn cho dân cư, người lao động và các hoạt động kinh tế khu vực biển.

- Chủ động, nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế, hợp tác trên biển; thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh đất nước ta tham gia các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; chiến lược và nhiệm vụ trọng tâm về hội nhập quốc tế; có kế hoạch hợp tác với các tỉnh, các nước lân cận biên Đông và những nước có tiềm lực kinh tế, khoa học - công nghệ mạnh về biển. Tiếp tục tranh thủ sự hỗ trợ từ các nguồn vốn ODA các tổ chức quốc tế để phát triển nguồn lực, kết cấu hạ tầng vùng biển; tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại phục vụ phát triển ngành kinh tế biển, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường tuần tra, kiểm soát bảo vệ vững chắc chủ quyền vùng biển, cửa sông, giám sát hoạt động nghề cá. Quản lý nghiêm các hoạt động xuất nhập cảnh. Xử lý tốt các vấn đề về an ninh trật tự, an ninh tôn giáo. Phòng ngừa và đấu tranh hiệu quả với các loại tội phạm ma túy, mua bán người, buôn lậu,... trên vùng biển và ven biển của tỉnh.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế của địa phương, đơn vị xây dựng kế hoạch cụ thể hóa Nghị quyết số 36-NQ/TW, Nghị quyết số 26/NQ-CP,

Chương trình số 30-CTr/TU của Tỉnh ủy và Kế hoạch này để chức thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp tạo chuyển biến mạnh mẽ nhằm phát triển bền vững kinh tế biển của tỉnh đạt yêu cầu Kế hoạch đề ra. Định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo tình hình triển khai thực hiện hàng năm về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành và địa phương:

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, Nghị quyết số 26/NQ-CP, Chương trình số 30-CTr/TU của Tỉnh ủy và Kế hoạch này; theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện các nội dung, giải pháp đã đề ra của Kế hoạch. Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá việc thực hiện các Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch này báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các giải pháp mới phù hợp tình hình thực tế của tỉnh và bảo đảm phù hợp với Nghị quyết số 36-NQ/TW, Nghị quyết số 26/NQ-CP, Chương trình số 30-CTr/TU của Tỉnh ủy.

- Rà soát, xác định nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao cụ thể đến từng ngành, chuyên ngành phù hợp với phát triển kinh tế biển để đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) thu hút sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ theo Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 05/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Rà soát, sắp xếp, tinh gọn tổ chức, bộ máy đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tăng cường công tác đánh giá, xếp loại chất lượng đội ngũ, tinh giản biên chế; nâng cao năng lực đội ngũ, bố trí nguồn nhân lực có trình độ, năng lực, phẩm chất để thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trong tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

- Quan trắc, giám sát, cảnh báo về chất lượng môi trường, ứng phó với sự cố môi trường, hóa chất độc trên biển; quản lý rác thải trên biển, nhất là rác thải nhựa; cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường biển. Kết nối, trao đổi, chia sẻ, cập nhật thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên, môi trường sinh thái biển.

- Tuyên truyền, nâng cao ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường; tăng cường công tác quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguồn tài nguyên. Lồng ghép các kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng vào các chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế biển và vùng ven biển để có giải pháp ứng phó kịp thời, hiệu quả. Xây dựng năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai từ biển, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Phối hợp các Bộ, ngành Trung ương trong việc xây dựng Quy hoạch không gian biển quốc gia, Quy hoạch tổng thể khai thác sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ.

3. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện tốt các giải pháp đảm bảo

quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội trên vùng biển và ven bờ của tỉnh; không ngừng củng cố, tăng cường thế trận quốc phòng toàn dân trên vùng biển của tỉnh; bảo đảm năng lực xử lý các tình huống, giữ vững độc lập, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển.

- Tham mưu và triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự tại các vùng ven biển và các khu vực có hoạt động kinh tế biển. Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng những thành tựu khoa học, công nghệ phục vụ công tác bảo vệ an ninh, trật tự vùng biển, triển khai thực hiện các nội dung chương trình, kế hoạch hợp tác với các nước, các điều ước, thỏa thuận khu vực và quốc tế, đặc biệt là thực hiện tuyên bố về ứng xử của các bên trên biển Đông (DOC), Công ước của Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982 góp phần bảo vệ chủ quyền biển, đảo, phục vụ yêu cầu chính trị, đối ngoại của đất nước và địa phương.

- Phối hợp các cơ quan chức năng tham gia góp ý, thẩm định, giám sát, đánh giá tác động về quốc phòng - an ninh đối với các chương trình, dự án, đầu tư trên tuyến biển, nhất là các dự án hợp tác quốc tế, đầu tư có yếu tố nước ngoài; kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hoạt động lợi dụng hợp tác kinh tế, đầu tư, thương mại, du lịch để xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

- Kịp thời điều chỉnh, bổ sung kế hoạch, phương án phòng thủ, tác chiến sát với quy hoạch phát triển bền vững kinh tế biển và khu vực ven biển của tỉnh; kết hợp chặt chẽ việc xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân; giữ gìn sự đoàn kết giữa các dân tộc, các tầng lớp nhân dân trong việc bảo đảm an ninh trật tự khu vực ven biển.

- Tổ chức thực hiện việc xây dựng các lực lượng, phương tiện đánh bắt hải sản thành những tổ, đội khai thác phù hợp, vừa làm nhiệm vụ khai thác hải sản và bảo vệ môi trường biển, vừa làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh, quốc phòng vùng biển, trong đó tổ chức lực lượng Bộ đội Biên phòng phối hợp với các lực lượng vũ trang làm tốt công tác tuần tra trên biển, là chỗ dựa vững chắc cho ngư dân yên tâm bám biển và thực hiện công tác cứu hộ, cứu nạn khi có tình huống xảy ra.

4. Công an tỉnh: Chủ trì, phối hợp với Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và các cơ quan có liên quan làm tốt nhiệm vụ phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, bảo đảm an ninh chính trị, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, an ninh, an toàn cho dân cư, người lao động và các hoạt động kinh tế khu vực ven biển.

- Nắm chắc tình hình biển Đông liên quan việc thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW; kịp thời tham mưu và triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp bảo đảm trật tự an toàn xã hội, phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển.

- Tăng cường bảo đảm an ninh kinh tế, an ninh chính trị nội bộ, an ninh mạng, an ninh môi trường phục vụ triển khai thực hiện các chủ trương, giải pháp nêu trong Nghị quyết số 36-NQ/TW, các quy hoạch, kế hoạch phát triển bền vững kinh tế biển của tỉnh.

- Giải quyết ổn định các vụ tranh chấp, khiếu kiện phức tạp, kéo dài, nhất là các vụ khiếu kiện liên quan đến đất đai, ô nhiễm môi trường, dân tộc, tôn giáo, không để hình thành “Điểm nóng” về an ninh, trật tự. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự tại các vùng ven biển, các khu vực có hoạt động kinh tế biển, nhất là trong quản lý cư trú, quản lý xuất nhập cảnh, người nước ngoài, vũ khí, vật liệu nổ, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, trọng tâm tại các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu du lịch, dịch vụ, cảng biển.

- Triển khai thực hiện các nội dung chương trình, kế hoạch hợp tác với các nước, các điều ước, thỏa thuận khu vực và quốc tế theo chỉ đạo của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân tỉnh, đặc biệt là thực hiện tuyên bố về ứng xử của các bên trên biển Đông (DOC), Công ước của Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982 góp phần bảo vệ chủ quyền biển, đảo, phục vụ yêu cầu chính trị, đối ngoại của đất nước và địa phương.

- Phối hợp với các địa phương huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị; tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo đảm an ninh, trật tự và chiến lược phát triển kinh tế biển, đảo; xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới”.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ngành có liên quan và địa phương xác định nhiệm vụ, dự án, đề án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, nhiệm vụ thu hút các nguồn vốn khác trong và ngoài nước; ưu tiên và bố trí kịp thời nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ triển khai, phát huy hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong Nghị quyết số 36-NQ/TW, Nghị quyết số 26/NQ-CP, Chương trình số 30-CTr/TU của Tỉnh ủy và Kế hoạch này; tham mưu, đề xuất thực hiện cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực và quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ phát triển bền vững kinh tế biển trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lập quy hoạch tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định, đảm bảo phát triển bền vững kinh tế biển. Xây dựng, lồng ghép các nội dung bảo vệ môi trường vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; gắn kết chặt chẽ quy hoạch tổng thể về phát triển kinh tế - xã hội với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, nhất là dự án điện gió, điện mặt trời. Kiểm tra, đôn đốc các dự án đã cấp phép đầu tư; rà soát lại những dự án đã có chủ trương đầu tư nhưng chưa triển khai hoặc triển khai chậm để có biện pháp xử lý theo quy định.

- Rà soát, phân loại các dự án đầu tư, điều chỉnh phương thức và nguồn vốn đầu tư để thu hút tối đa nguồn lực đầu tư xã hội vào các dự án phát triển

kinh tế biển. Nâng cao chất lượng quá trình lựa chọn dự án. Đẩy mạnh công tác quảng bá, giới thiệu, xúc tiến đầu tư, tích cực tranh thủ các cơ quan ngoại giao, các tổ chức quốc tế để vận động vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ phi chính phủ (NGO); tiếp cận các Hiệp hội Doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam để mời gọi doanh nghiệp các nước đến tìm hiểu, hợp tác đầu tư.

- Thu hút mời gọi các dự án đầu tư có chất lượng, có giá trị gia tăng cao, sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường và giải quyết nhiều lao động. Tăng cường xúc tiến mời gọi đầu tư các dự án có quy mô lớn; lựa chọn các nhà đầu tư lớn, có uy tín, có tiềm lực về tài chính; đồng thời chú trọng đến các dự án có quy mô vừa và nhỏ, phù hợp với tiềm năng, thế mạnh và điều kiện của tỉnh.

6. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ngành, địa phương có liên quan trình cấp có thẩm quyền cân đối nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách tỉnh để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Nghị quyết số 36-NQ/TW, Nghị quyết số 26/NQ-CP, Chương trình số 30-CTr/TU của Tỉnh ủy và Kế hoạch này trong dự toán ngân sách hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Đồng thời, tham mưu thực hiện cơ chế, chính sách ưu đãi về thuế, phí, lệ phí, tiền sử dụng đất, tiền giao khu vực biển và các nguồn kinh phí khác cho các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nhiệm vụ về phát triển kinh tế biển.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- Xác định lợi thế du lịch, thu hút đầu tư xây dựng các khu du lịch phù hợp với văn hóa, sinh thái, ẩm thực của tỉnh, nhất là các khu, điểm du lịch ven biển gắn với rừng, các dự án điện gió dọc bờ biển. Chủ trì, phối hợp các sở, ngành, địa phương liên quan tham mưu việc thực hiện cơ chế, chính sách để thúc đẩy phát triển du lịch sinh thái tại các xã đảo, khu vực biển, ven biển.

- Đẩy mạnh phát triển du lịch, quan tâm đến du lịch văn hóa, du lịch xanh gắn với xây dựng các khu nghỉ dưỡng chất lượng cao, thu hút khách du lịch trong và ngoài nước; tăng cường kết nối với các trung tâm du lịch lớn của khu vực và cả nước để góp phần đa dạng các sản phẩm và tour/tuyến du lịch của tỉnh.

- Giữ gìn giá trị, phát huy truyền thống lịch sử, bản sắc văn hóa biển đi đôi với xây dựng xã hội gắn kết, thân thiện với biển.

8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành và địa phương tổ chức thực hiện tốt Luật thủy sản; xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển nuôi trồng, đánh bắt thủy sản trên địa bàn tỉnh phù hợp với các quy định, quy hoạch có liên quan để phát triển thủy sản, nghề cá; thực hiện có hiệu quả các kế hoạch, phương án phòng, chống thiên tai; bảo tồn, phục hồi và phát triển bền vững các hệ sinh thái biển, ven biển đóng góp vào phát triển kinh tế biển, ven biển.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, kiểm tra kiểm soát ngăn chặn khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định; thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích nuôi trồng thủy sản bền vững, ứng dụng công nghệ cao, bảo vệ môi trường sinh thái và khai thác hải sản xa bờ, bảo vệ và phát

triển hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển.

- Tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng (thủy lợi, giao thông, lưới điện, ..) phục vụ sản xuất tại các vùng nuôi thủy sản, các khu trang trại hiện đại; khu chế biến; dịch vụ; ứng dụng rộng rãi nuôi trồng thủy sản có chứng nhận (ASC, MSC, CoC, GlobalGAP, BMP,...) vào các vùng nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao để tăng năng suất, sản lượng, chất lượng;

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình thủy lợi phục vụ tưới tiêu, kiểm soát xâm nhập mặn phục vụ sản xuất của tỉnh.

- Đẩy mạnh phát triển đội tàu có công suất lớn, trang thiết bị hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, có khả năng đánh bắt xa bờ, dài ngày trên biển gắn với nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng an ninh; phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá; hướng dẫn chuyển đổi nghề, tạo sinh kế thay thế một số nghề khai thác thủy sản vùng biển ven bờ; giảm áp lực, tạo việc làm với nghề mới ổn định, nâng cao mức sống ngư dân và nâng cao trách nhiệm bảo vệ nguồn lợi thủy sản môi trường sinh thái vùng biển ven bờ. Hiện đại hóa công tác quản lý tàu cá, công tác đảm bảo an toàn cho người và tàu cá, công tác bảo quản sản phẩm sau khai thác với các công nghệ tiên tiến nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế biển, góp phần khẳng định chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc và phù hợp với quy định quốc tế. Tiếp tục thực hiện các chính sách phát triển thủy sản, tạo điều kiện thuận lợi cho ngư dân vừa gia tăng sản lượng khai thác thủy sản, vừa tham gia thực hiện bảo vệ chủ quyền biển đảo và biên giới quốc gia.

- Tổ chức đào tạo cho ngư dân về kỹ năng tham gia khai thác xa bờ; tập huấn cho ngư dân về các tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy, hải sản.

- Tiếp tục thực hiện các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ phục hồi và phát triển rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển.

9. Sở Xây dựng:

- Phối hợp, hướng dẫn các địa phương trong công tác quy hoạch đô thị, quy hoạch các khu chức năng ven biển theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, đáp ứng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đẩy mạnh công tác xây dựng Chương trình phát triển đô thị và Đề án phân loại đô thị, ưu tiên các đô thị ven biển

- Đề xuất các hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật quan trọng gắn liền với phát triển đô thị; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các ngành có liên quan và địa phương trong công tác thẩm định hồ sơ, quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc các dự án đầu tư công trình phòng chống thiên tai, xâm nhập mặn...

- Thực hiện tốt công tác quản lý, hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật cho các địa phương biển, ven biển và xã đảo.

10. Sở Giao thông vận tải:

- Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải đường bộ, hàng hải, đường thủy nội địa, cảng nước sâu phục vụ phát triển kinh tế biển, đặc biệt là hạ tầng

giao thông liên kết vùng, kết nối với các tỉnh phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn của Bộ Giao thông vận tải để đảm bảo kết nối và hội nhập quốc tế.

- Chú trọng mở rộng khai thác vận tải đường sông, vận tải ven biển và vận chuyển khách du lịch, hướng đến giảm chi phí Logistics thông qua phát triển dịch vụ vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ theo hướng chuyên nghiệp, cung cấp các dịch vụ trọn gói... ; tham mưu đề xuất trong hợp tác công - tư trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế biển.

11. Sở Công Thương: Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành, địa phương liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất Bộ Công Thương rà soát, bổ sung quy hoạch phát triển điện lực các dự án năng lượng mới, năng lượng tái tạo; hướng dẫn và giám sát, kiểm tra việc thực hiện cơ chế, chính sách về phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả cho phát triển kinh tế biển; phát triển công nghiệp ven biển có trọng tâm, trọng điểm, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường.

- Hỗ trợ các nhà đầu tư triển khai nhanh các dự án điện gió, điện mặt trời. Phân đấu đến năm 2030, tổng công suất của các nguồn điện (điện than, gió, mặt trời, sinh khối, ...) đạt khoảng 9GW; đến năm 2045 đạt khoảng 12GW.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các ngành có liên quan và địa phương đẩy mạnh phát triển công nghiệp đóng, sửa chữa tàu thuyền trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích các doanh nghiệp, nhất là các cơ sở chế biến thủy sản đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ theo hướng hiện đại, tiết kiệm năng lượng và giảm thiểu chất thải, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh và góp phần bảo vệ môi trường. Đồng thời, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư chế biến xuất khẩu các mặt hàng mới, các mặt hàng có giá trị gia tăng cao, các mặt hàng mà tỉnh, ta có tiềm năng về nguyên liệu, đa dạng hóa mặt hàng của tỉnh.

12. Ban Quản lý Khu Kinh tế Trà Vinh:

- Tập trung hoàn thiện các khu công nghiệp, các dự án đã đầu tư ở khu vực ven biển; tăng cường xúc tiến, kêu gọi đầu tư phát triển kinh tế biển

- Triển khai thực hiện quy hoạch các khu kinh tế, khu công nghiệp và cụm công nghiệp và khu đô thị ven biển đã được phê duyệt theo hướng bền vững, dựa vào hệ sinh thái, thích ứng thông minh với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, đáp ứng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Tiếp tục xây dựng hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng kỹ thuật, kêu gọi các nhà đầu tư vào các khu công nghiệp, nhất là đầu tư các dự án phát triển kinh tế biển; tập trung nguồn vốn đầu tư hạ tầng, tạo quỹ đất sạch để tăng tính hấp dẫn trong các dự án kêu gọi đầu tư.

13. Sở Giáo dục và Đào tạo: Triển khai thực hiện việc giáo dục, nâng cao nhận thức, kiến thức, hiểu biết về biển, đại dương, kỹ năng sinh tồn, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, phòng, tránh thiên tai cho học sinh, sinh viên trong tất cả các bậc học, cấp học. Quan tâm hỗ trợ nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển mạng lưới cơ sở đào tạo nguồn nhân lực trong các ngành có tiềm năng hỗ trợ phát triển kinh tế biển.

14. Sở Khoa học và Công nghệ:

- Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ phục vụ phát triển kinh tế biển, đảm bảo quốc phòng - an ninh.

- Hỗ trợ cá nhân, tổ chức xác lập quyền sở hữu công nghiệp về đăng ký nhãn hiệu và xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm đặc trưng của địa phương.

15. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội:

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nội vụ triển khai thực hiện các chương trình dạy nghề trên địa bàn tỉnh phục vụ phát triển kinh tế biển. Tổ chức đào tạo nghề để thực hiện chuyển đổi nghề cho các đối tượng làm nghề khai thác thủy sản ven bờ. Phối hợp các đơn vị có liên quan thành lập các cơ sở tiểu thủ công nghiệp và các làng nghề truyền thống có liên quan đến kinh tế biển nhằm giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho ngư dân ven biển.

- Thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các chương trình, dự án giảm nghèo của tỉnh, thực hiện tốt chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, chuyển đổi nghề cho ngư dân nghèo có điều kiện thoát nghèo vươn lên làm giàu.

16. Sở Thông tin và Truyền thông: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kiến thức của nhân dân về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về biển, tiềm năng, lợi thế và sự nghiệp phát triển bền vững kinh tế biển của tỉnh.

17. Sở Y tế: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tăng cường kiểm tra, giám sát công tác vệ sinh, an toàn lao động, phòng chống dịch bệnh, kiểm soát quy mô dân số nhất là ở khu vực ven biển. Tham mưu cho UBND tỉnh đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, nhân lực cho cơ sở y tế tuyến huyện ven biển. Bố trí cơ sở y tế làm đầu mối để phối hợp giải quyết, xử lý nhanh các tình huống khẩn cấp và thường xuyên trên biển

18. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Theo chức năng, nhiệm vụ, điều kiện thực tế xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch này, trong đó nêu rõ các nội dung: Mục tiêu, nhiệm vụ, các giải pháp cụ thể và thời gian thực hiện, đảm bảo phù hợp Nghị quyết số 36-NQ/TW, Nghị quyết số 26/NQ-CP và Chương trình số 30-CTr/TU của Tỉnh ủy. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ngành, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch này.

- Tuyên truyền vận động các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện chủ trương, giải pháp phát triển bền vững kinh tế biển; đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát đối với quá trình thực hiện của địa phương mình.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã ven biển: Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan:

+ Đầu tư các công trình ven biển (khu dân cư ven biển, trung tâm y tế, trường học...) trên địa bàn, các công trình đầu tư phải kiên cố, kết hợp với làm nơi tránh trú bão cho người dân khi có thiên tai.

+ Thu hút đầu tư khai thác lợi thế kinh tế biển: Phát triển nuôi trồng thủy, hải sản; bảo vệ và mở rộng rừng phòng hộ ven biển; nâng cao hiệu quả nghề khai thác hải sản, tập trung phát triển mạnh đội tàu có công suất lớn, trang thiết bị hiện đại, có khả năng đánh bắt xa bờ, dài ngày trên biển gắn với nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng, an ninh; quan tâm tới đầu tư hạ tầng dịch vụ hậu cần dịch vụ kinh tế biển, các công trình thích ứng với biến đổi khí hậu.

+ tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về biển Đông, hải đảo, phát triển kinh tế biển và bảo vệ môi trường biển, vùng ven biển gắn với bảo vệ chủ quyền biển đảo quốc gia cho cán bộ, đảng viên, Nhân dân và cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức và có trách nhiệm trong việc phát triển bền vững kinh tế biển.

19. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: Đẩy mạnh các hoạt động giám sát, tuyên truyền trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung những nội dung cụ thể trong Kế hoạch, các Sở ngành, đơn vị và địa phương báo cáo, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Phụ lục
CÁC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
KINH TẾ BIỂN VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH

(Kèm theo Quyết định số: **3746/QĐ-UBND** ngày **24/11/2020** của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Nhiệm vụ, giải pháp		Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
TT	I PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN VÀ VEN BIỂN		
01	Tuyên truyền, vận động người dân nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy trong nuôi trồng và khai thác hải sản từ phương thức truyền thống sang công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, hiện đại hóa đội tàu khai thác hải sản xa bờ gắn với tổ chức tốt các dịch vụ hậu cần nghề cá.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Năm 2020 và những năm tiếp theo
02	Đào tạo, chuyển đổi nghề cho ngư dân từ các hoạt động có nguy cơ xâm hại, tác động tiêu cực đến biển	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Năm 2020 và những năm tiếp theo
03	Tăng cường bảo vệ, tái sinh nguồn lợi hải sản, xử lý nghiêm các hoạt động khai thác mang tính tận diệt.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Năm 2020 và những năm tiếp theo
04	Hoàn thiện hệ thống hạ tầng, hậu cần nghề cá như: khu neo đậu tránh, trú bão cho tàu cá cửa Cung Hầu và cửa Định An; hạ tầng Cảng cá Láng Chim, Bến cá Định An, các Làng cá Định An, Mỹ Long, Đông Hải, Vĩnh Bảo.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Năm 2020 và những năm tiếp theo
05	Tập trung tổ chức lại sản xuất phục vụ phát triển kinh tế biển, vùng ven biển; thành lập các tổ hợp tác hoặc hợp tác xã khai thác trên biển, nhân rộng mô hình kinh tế trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã để có điều kiện hình thành vùng nguyên liệu tập trung sản xuất hàng hóa lớn.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Năm 2020 và những năm tiếp theo
06	Thu hút các nhà đầu tư cho ngành nghề chế biến thủy - hải sản xuất khẩu; khuyến khích khôi phục các cơ sở tiểu thủ công nghiệp và các làng nghề truyền thống chế biến hải sản.	Sở Công Thương	Năm 2020 và những năm tiếp theo
07	Kêu gọi đầu tư khai thác tiềm năng năng lượng tái tạo khu vực ven biển. Hỗ trợ, xúc tiến nhà đầu tư triển khai các dự án điện gió, điện mặt trời kết hợp sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; Thực hiện có hiệu quả Quyết định số 13309/QĐ-BCT ngày 04/12/2015 của Bộ Công Thương và phê duyệt Quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Trà Vinh giai đoạn đến 2020, có xét đến 2030.	Sở Công Thương	Năm 2020 và những năm tiếp theo
08	Đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển du lịch ở những nơi có điều kiện như bãi biển Ba Động, Mỹ Long và các cồn nổi ven biển, đầu tư cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch; quy hoạch du lịch ven sông Tiền và sông Hậu.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm 2020 và những năm tiếp theo
09	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Hạ tầng du lịch biển Ba Động, thị xã Duyên Hải.	UBND thị xã Duyên Hải	Năm 2019

10	Nghiên cứu, đề xuất đầu tư các dự án du lịch biển và ven biển.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm 2020 và những năm tiếp theo
11	Mời gọi thực hiện đầu tư xây dựng các chợ ven biển như: Chợ đầu mối Long Hữu, chợ Dân Thành, Chợ Đại An...	Sở Công Thương; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Ban Quản lý Khu Kinh tế Trà Vinh, UBND các huyện, thị xã ven biển	Năm 2020 và những năm tiếp theo
12	Kêu gọi đầu tư phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao thân thiện với môi trường, công nghiệp nền tảng, công nghệ nguồn. Phát triển hợp lý các ngành sửa chữa và đóng tàu, năng lượng, cơ khí chế tạo, công nghiệp chế biến, công nghiệp phụ trợ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu Kinh tế Trà Vinh, Sở Công Thương	Năm 2020 và những năm tiếp theo
13	Tập trung hoàn thành đưa vào sử dụng công trình Tuyến đường số 02 (đoạn từ nút N25 đến nút N28) thuộc dự án Tuyến đường số 02 và cầu C16 KKT Định An trong năm 2019; Tham mưu, đề xuất điều chỉnh 10% nguồn dự phòng của kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2016 - 2020 để khởi công xây dựng dự án Tuyến số 05 (đoạn từ tỉnh lộ 914 đến nút N29, đoạn từ nút N29 đến cầu C16 và từ cầu C16 đến kênh đào Trà Vinh) KKT Định An (giai đoạn 1) trong năm 2019	Ban Quản lý Khu Kinh tế Trà Vinh	Theo kế hoạch đầu tư công trung hạn từng giai đoạn
14	Nghiên cứu, đề xuất và tranh thủ nguồn vốn Trung ương để đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng Khu Kinh tế Định An theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 05/9/2011 và Công văn số 2021/TTg-KTTH ngày 09/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ trong giai đoạn 2020 - 2030.	Ban Quản lý Khu Kinh tế Trà Vinh	Năm 2020 và những năm tiếp theo
15	Thực hiện tốt Chương trình phát triển đô thị, thị xã Duyên Hải đến năm 2020; Tập trung xây dựng và hoàn thiện các tiêu chí, phán đầu thị xã Duyên Hải đạt đô thị loại III vào năm 2030.	UBND thị xã Duyên Hải	Năm 2019 - 2020
16	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 85-KH/TU ngày 14/10/2015 của Tỉnh ủy Trà Vinh về việc thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 23/7/2015 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển ngành Dầu khí Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035.	Sở Công Thương	Năm 2020 và những năm tiếp theo
17	Tập trung hoàn thành đưa vào sử dụng công trình Tuyến đường số 02 (đoạn từ nút N25 đến nút N28) thuộc dự án Tuyến đường số 02 và cầu C16 KKT Định An trong năm 2019; Tham mưu, đề xuất điều chỉnh 10% nguồn dự phòng của kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2016 - 2020 để khởi công xây dựng dự án Tuyến số 05 (đoạn từ tỉnh lộ 914 đến nút N29, đoạn từ nút N29 đến cầu C16 và từ cầu C16 đến kênh đào Trà Vinh) KKT Định An (giai đoạn 1) trong năm 2019.	BQL Khu Kinh tế Trà Vinh	Theo kế hoạch đầu tư công trung hạn từng giai đoạn
18	Tập trung hoàn thành đưa vào sử dụng dự án Tuyến số 05 (đoạn từ tỉnh lộ 914 đến nút N29, đoạn từ nút N29 đến cầu C16 và từ cầu C16 đến kênh đào Trà Vinh) Khu kinh tế Định An (giai đoạn 1).	BQL Khu Kinh tế Trà Vinh	Theo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

19	Tập trung hoàn thành đưa vào sử dụng dự án Tuyến đường trục chính dọc theo kênh đào Trà Vinh (đoạn từ sông Giồng Ôi đến nút N29, đoạn từ nút N29) Khu Kinh tế Định An-Giai đoạn 1.	BQL Khu Kinh tế Trà Vinh	Theo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
20	Tập trung hoàn thành đưa vào sử dụng dự án Tuyến đường số 03 (đoạn từ nút cầu Long Toàn đi qua cảng Long Toàn và Khu Phi thuế quan đến sông Giồng Ôi) Khu kinh tế Định An.	BQL Khu Kinh tế Trà Vinh	Theo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
21	Tập trung hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng dự án xây dựng hạ tầng Khu dịch vụ công nghiệp Ngũ Lạc thuộc Khu Kinh tế Định An.	BQL Khu Kinh tế Trà Vinh	Theo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
22	Nghiên cứu, đề xuất và tranh thủ nguồn vốn Trung ương để đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng Khu Kinh tế Định An theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 05/9/2011 và Công văn số 2021/TTg-KTTH ngày 09/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ trong giai đoạn 2020 - 2030.	BQL Khu Kinh tế Trà Vinh	Năm 2020 và những năm tiếp theo
II	BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, BẢO TỒN, PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐA DẠNG SINH HỌC BIÊN CHÙ ĐÔNG ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, NƯỚC BIẾN DẰNG VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI		
23	Tập trung đầu tư hoàn thành đưa vào sử dụng các dự án trồng rừng: (1) Dự án đầu tư xây dựng và phát triển bền vững rừng phòng hộ tỉnh Trà Vinh; (2) Dự án Trồng rừng phòng hộ tại tỉnh Trà Vinh (Theo Chương trình bảo vệ và phát triển rừng bền vững của Chính phủ) và (3) Dự án Trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang thi công Luồng tàu biển có trọng tải lớn vào sông Hậu.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hoàn thành theo thời gian thực hiện của từng dự án
24	Bảo tồn đa dạng sinh học, phục hồi các hệ sinh thái, bảo đảm tính toàn vẹn và mối quan hệ tự nhiên giữa các hệ sinh thái đất liền và biển.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Năm 2020 và những năm tiếp theo
25	Xây dựng các tiêu chí, yêu cầu kỹ thuật đối với các dự án đầu tư có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao khu vực ven biển	Sở Tài nguyên và Môi trường	Năm 2020 và những năm tiếp theo
26	Đầu tư xây dựng, củng cố lực lượng, trang thiết bị giám sát, cảnh báo tự động về chất lượng môi trường ứng phó với sự cố môi trường; quản lý rác thải biển.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Năm 2020 và những năm tiếp theo
27	Hoàn thiện kịch bản Biến đổi khí hậu, nước biển dâng và xây dựng kế hoạch ứng phó.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Năm 2020 và những năm tiếp theo
28	Nghiên cứu, đề xuất đầu tư xây dựng các dự án phòng, chống biến xâm thực, xói lở bờ biển, ngập lụt, xâm nhập mặn.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Theo kế hoạch đầu tư công trung hạn từng giai đoạn

29	Đầu tư hoàn thiện hạ tầng giao thông ven biển, khu vực xung yếu phục vụ sản xuất và đi dân khi cần thiết. Đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đảo, khăn trương hoàn thiện và thực hiện hiệu quả Đề án đánh giá và đề xuất giải pháp cải thiện hạ tầng giao thông trong khu vực 4 xã đảo, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.	Sở Giao thông vận tải	Theo kế hoạch đầu tư công trung hạn từng giai đoạn
III PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ TĂNG CƯỜNG ĐIỀU TRA CƠ BẢN BIỂN			
30	Nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến trong nuôi trồng, khai thác, bảo quản, chế biến hải sản.	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2020 và những năm tiếp theo
31	Phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin hiện đại, đảm bảo an toàn thông tin, đáp ứng khả năng tích hợp, chia sẻ thông tin và kết nối hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, đảm bảo khả năng tiếp cận và sử dụng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân nhằm góp phần phục vụ phát triển kinh tế biển.	Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các Sở, Ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Năm 2020 và những năm tiếp theo
32	Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện có hiệu quả Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Khi Bộ Tài nguyên và Môi trường yêu cầu
33	Xây dựng mô hình và các tiêu chí phân vùng sử dụng vùng biển. Nâng cao chất lượng, hiệu quả phân tích, thống kê đánh giá hiện trạng các hệ sinh thái vùng biển; điều kiện địa lý, địa chất, địa hình, khí tượng, thủy văn, hải dương học và hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường tại các khu vực khác nhau của vùng ven biển; hiện trạng, dự báo các hoạt động kinh tế - xã hội và mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với tài nguyên, môi trường, đặc biệt là hệ sinh thái; hiện trạng thể chế, chính sách quản lý vùng ven biển phục vụ cho việc phân vùng.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Năm 2020 và những năm tiếp theo
34	Xây dựng các lớp bản đồ phân vùng sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển; thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Năm 2020 và những năm tiếp theo
35	Điều tra, nghiên cứu, lập bản đồ tọa độ các khu vực an toàn trên biển, các khu vực tránh sóng, tránh bão.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Năm 2021
36	Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 26/11/2014 của Tỉnh ủy Trà Vinh về tăng cường công tác quản lý tổng hợp vùng ven biển tỉnh Trà Vinh.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Năm 2020 và những năm tiếp theo
37	Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện tốt Chương trình điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Năm 2020 và những năm tiếp theo
IV ĐẨY MẠNH GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC BIỂN			
38	Tiếp tục thực hiện Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực tỉnh Trà Vinh đến năm 2020; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng nguồn nhân lực.	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động, Thương	Năm 2020 và những năm tiếp theo

		binh và Xã hội phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan	
39	Tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức, kiến thức, hiểu biết về biển, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, phòng, tránh thiên tai cho học sinh, sinh viên trong tất cả các bậc học, cấp học.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Năm 2020 và những năm tiếp theo
40	Đề xuất thu hút sinh viên xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ có chuyên môn sâu về biển.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Năm 2020 và những năm tiếp theo
41	Tiếp tục thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho ngư dân đầu tư đóng mới, nâng cấp, cải hoán tàu cá để vươn khơi bám biển, bảo vệ chủ quyền biển.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Năm 2020 và những năm tiếp theo
V	TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH TRÊN BIỂN		
42	Tiếp tục thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 28-KL/TW ngày 14/8/2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2011-2020. Tăng cường liên kết hợp tác phát triển kinh tế - xã hội với các tỉnh, thành trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long; triển khai thực hiện Đề án Liên kết vùng Duyên Hải phía đông đồng bằng sông Cửu Long gồm 04 tỉnh: Bến Tre, Tiền Giang, Trà Vinh và Vĩnh Long.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2020 và những năm tiếp theo
43	Đầu tư trang thiết bị, chú trọng đào tạo nhận lực, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật và tăng cường khả năng hiệp đồng, tác chiến của các lực lượng tham gia bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và các quyền lợi ích chính đáng, hợp pháp của đất nước.	Công an tỉnh; BCH Quân sự tỉnh; BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh	Năm 2020 và những năm tiếp theo
44	Tăng cường phối hợp tham mưu với cấp ủy, chính quyền các cấp để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, toàn dân trong bảo vệ chủ quyền biển, bảo vệ an ninh, trật tự khu vực ven biển; bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm.	Công an tỉnh; BCH Quân sự tỉnh; BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh	Năm 2020 và những năm tiếp theo
45	Làm tốt công tác nắm tình hình, chủ động trao đổi, thống nhất đánh giá, dự báo tình hình liên quan đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh khu vực biển và ven biển.	BCH Quân sự tỉnh; BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh	Năm 2020 và những năm tiếp theo
46	Tổ chức các hoạt động diễn tập, nâng cao năng lực hoạt động của các lực lượng trực tiếp làm nhiệm vụ phòng, tránh và giảm nhẹ thiệt hại thiên tai, cứu nạn, cứu hộ, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng khu vực biển; bảo đảm an ninh, an toàn cho dân cư, người lao động và các hoạt động kinh tế khu vực biển; xây dựng, vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân vùng biển, đảo.	Công an tỉnh, BCH Quân sự tỉnh; BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh	Năm 2020 và những năm tiếp theo

47	Rà soát, đề xuất bổ sung các quy định, quy trình, thủ tục, điều kiện đầu tư các dự án phát triển kinh tế-xã hội khu vực biên liên quan đến quốc phòng, an ninh, nhất là các dự án có vốn đầu tư nước ngoài, các dự án của tổ chức phi chính phủ nước ngoài hoặc các dự án thuê sử dụng đất ven biển, mặt biển lâu dài.	Công an tỉnh; BCH Quân sự tỉnh; BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh	Năm 2020 và những năm tiếp theo
48	Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về an ninh, trật tự, nhất là trong quản lý cư trú, quản lý xuất, nhập cảnh, quản lý người nước ngoài, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, trọng tâm tại khu công nghiệp, khu du lịch, dịch vụ, cảng biển.	Công an tỉnh, BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh và các cơ quan có liên quan	Thường xuyên
49	Chủ động phát hiện, phối hợp ngăn chặn hoạt động lợi dụng hợp tác nghiên cứu, đầu tư, kinh doanh, du lịch khu vực biển... để gây phương hại đến an ninh, lợi ích quốc gia.	Công an tỉnh; BCH Quân sự tỉnh; BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh và các cơ quan có liên quan	Thường xuyên
50	Nghiên cứu, đề xuất quy hoạch khu vực dành riêng cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong quá trình xây dựng quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng, bền vững tài nguyên vùng bờ.	BCH Quân sự tỉnh	Năm 2020 và những năm tiếp theo
51	Tăng cường phối hợp bảo đảm an ninh, an toàn cho dân cư, người lao động và các hoạt động kinh tế khu vực biển; bảo vệ tàu cá, ngư dân Việt Nam đánh bắt hải sản trong vùng biển Việt Nam, ngư trường truyền thống.	Công an tỉnh; BCH Quân sự tỉnh; BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh và các cơ quan có liên quan	Thường xuyên
VI	TĂNG CƯỜNG HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI TRONG HỘI NHẬP QUỐC TẾ		
52	Chủ động, nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế, hợp tác trên biển.	Các Sở, Ban, ngành tỉnh, UBND các huyện ven biển	Năm 2020 và những năm tiếp theo
53	Tiếp tục tranh thu sự hỗ trợ từ các nguồn vốn ODA, các tổ chức quốc tế để phát triển nguồn lực, cơ sở hạ tầng vùng biển.	Các Sở, Ban, ngành tỉnh, UBND các huyện ven biển	Năm 2020 và những năm tiếp theo
54	Chủ động tiếp cận, ứng dụng thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 vụ phát triển ngành kinh tế biển, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng trên địa bàn tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường	Năm 2020 và những năm tiếp theo
VII	HUY ĐỘNG CÁC NGUỒN LỰC, KHUYẾN KHÍCH CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ ĐẦU TƯ CHO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KINH TẾ BIỂN		
55	Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư công trung hạn, nhất là các dự án đề kè ven sông, ven biển.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Theo thời gian thực hiện của dự án

56	Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng giao thông thủy bộ, nhất là các tuyến Quốc lộ huyết mạch của tỉnh, đặc biệt là tuyến Quốc lộ 53, 60 đoạn từ cầu Cổ Chiên đi Khu Kinh tế Định An và Đường tỉnh 915B, các cảng sông, cảng biển (cảng tổng hợp Định An, cảng Trà Cú, cảng Long Đức,...). Rà soát, bổ sung các dự án về hạ tầng giao thông, phù hợp với quy hoạch phục vụ phát triển kinh tế ven biển.	Sở Giao thông vận tải	Năm 2020 và những năm tiếp theo
57	Tập trung triển khai kế hoạch về cải thiện chỉ số PCI của tỉnh theo Kế hoạch số 168-KH/TU ngày 27/4/2020 của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 12/6/2020 của UBND tỉnh. Tổng kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 03/11/2016 của Tỉnh ủy Trà Vinh về nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) giai đoạn 2016-2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2020 và những năm tiếp theo
58	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án ưu tiên kêu gọi đầu tư để khai thác tiềm năng kinh tế biển trở thành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2020 và những năm tiếp theo
59	Đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 29/06/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển Khu kinh tế, Khu công nghiệp tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025.	BQL Khu Kinh tế Trà Vinh	Năm 2020 và những năm tiếp theo
60	Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình xúc tiến đầu tư vào Khu công nghiệp, Khu kinh tế.	BQL Khu Kinh tế Trà Vinh	Năm 2020 và những năm tiếp theo
61	Thực hiện Quyết định số 31/2016/QĐ-UBND ngày 18/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh trong giải quyết thủ tục hành chính về lĩnh vực môi trường theo cơ chế một cửa liên thông đối với dự án đầu tư trong Khu công nghiệp, Khu kinh tế.	BQL Khu Kinh tế Trà Vinh	Năm 2020 và những năm tiếp theo
62	Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình hành động số 16-CTr/TU ngày 24/3/2008 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 09 Hội Nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) “Về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020”	Sở Tài nguyên và Môi trường	Năm 2020
63	Tiếp tục thực hiện Chương trình hành động số 18-CTr/TU ngày 15/8/2017 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2020 và những năm tiếp theo
64	Thực hiện có hiệu quả Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025.	Sở Công Thương	Năm 2020 và những năm tiếp theo
65	Thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 170-KH/TU ngày 06/5/2020 của Tỉnh ủy về tập trung phát huy các nguồn lực, khai thác tốt tiềm năng, lợi thế thu hút mạnh đầu tư và khu kinh tế, các khu, cụm công nghiệp, quyết tâm đưa tỉnh Trà Vinh trở thành trung tâm kinh tế biển của vùng	Các Sở, Ban, ngành tỉnh	Năm 2020 và những năm tiếp theo
66	Kế hoạch số 145- KH/TU ngày 23/12/2019 của Tỉnh ủy về tổ chức thực hiện 06 nhiệm vụ tập trung, 03 nhiệm vụ đột phá năm 2020 và những năm tiếp theo	Các Sở, Ban, ngành tỉnh	Năm 2020 và những năm tiếp theo